

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HSST
Ngày: 17 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phi Hồng

2. Bà Nguyễn Lê Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở UBND phường Đông Hải, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/TLST-HS ngày 04/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐXXST-HS ngày 06/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn B, sinh năm: 1993 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn T (đã chết) và bà Trương Thị H, sinh năm: 1959. Có vợ là chị Phan Thị M, sinh năm: 1995 và 01 người con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng. Ngày 30/10/2013 chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam ngày 18/6/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Phan Văn T, sinh ngày: 18/02/1998 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn H, sinh năm: 1962 và bà Lê Thị Q, sinh năm: 1969. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam ngày 30/7/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Văn D, sinh năm: 1997 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 6, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi D, sinh năm: 1965 và bà Võ Thị Tấn T, sinh năm: 1969. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm: 1997
2. Chị Đặng Thị V, sinh năm: 1981
3. Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1980

Cùng trú tại: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Cùng có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1994

Trú tại: Khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 25/6/2016 đến ngày 02/6/2017, Mai Văn B cùng đồng bọn thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/6/2016, Mai Văn B và Phan Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà bà Đỗ Thị G thuộc khu phố 3, phường Đ thì thấy nhà không có cửa cổng, cửa chính bên trong không khóa. B dùng tay mở chốt cửa chính, rồi cùng với T đi vào trong nhà. T đi vào phòng ngủ thấy một phụ nữ và ba người con đang ngủ, T thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar màu xanh, để trên giường đang mở nhạc, T lấy chiếc điện thoại trên và đi ra khỏi phòng. Lúc này, T thấy B cũng lấy được 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Neo 7 trong một phòng khác và đưa cho T cầm. T tiếp tục quan sát thì thấy 01 chiếc điện thoại hiệu GIONEE màu trắng đang sạc pin để trên tủ thờ, T đi đến lấy chiếc điện

thoại này. Cùng lúc, B đi vào phòng khác rồi đem ra 03 chiếc cặp học sinh và 01 cái ví da. Sau khi lấy được những tài sản trên, T và B tẩu thoát ra ngoài bằng cửa chính, rồi đi về nhà một người bạn tên B1 và ngủ lại tại đây. Tại nhà B1, B lấy được trong cái ví da số tiền: 1.200.000 đồng và trong 03 chiếc cặp học sinh có số tiền: 200.000 đồng. Đến sáng, B mang chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Neo 7 bán cho anh Đinh Văn Đ với giá 3.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar màu xanh, B bán cho một người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ. Còn chiếc điện thoại di động hiệu GIONEE, B giữ lại sử dụng một thời gian thì bị hư nên B vứt bỏ ở đâu không nhớ. Số tiền có được từ việc trộm tài sản nêu trên, B và T cùng nhau tiêu xài.

Vụ thứ hai: Rạng sáng ngày 15/01/2017, Mai Văn B đi bộ một mình, mang theo 01 chiếc kiềm bấm màu đỏ, dài khoảng 20 cm, xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu phố 3, phường Đ, B nhìn thấy nhà bà Đặng Thị V đã ngủ, nên B đi vòng ra phía sau rồi trèo qua lưới B40 vào trong sân nhà. Thấy cửa sổ nhà bà V không đóng, B dùng kiềm bẻ gãy khung sắt rồi leo vào trong nhà. B đi vào phòng ngủ thì thấy trên bàn có để 01 máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3710L, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Lenovo A2010 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, B lấy tất cả tài sản trên. Sau đó, B đi ra phòng khách, nhìn thấy 01 cái áo khoác phụ nữ treo trên cái móc, B lục tìm và lấy được số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, B tẩu thoát ra ngoài bằng đường cũ. Sáng cùng ngày, B bán 01 máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3710L cho anh Đinh Văn Đ với giá 500.000 đồng. Còn chiếc điện thoại di động hiệu Lenovo A2010 và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280, B bán cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ. Số tiền có được, B đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 03 giờ, ngày 15/3/2017, Mai Văn B đi bộ một mình tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Thanh Đ tại khu phố 3, phường Đ thì B đi ra phía sau rồi leo qua tường rào vào trong sân nhà. Thấy cửa sau nhà anh Đ không khóa, B mở cửa đi vào bên trong nhà. B đi vào phòng ngủ, nhìn thấy cái quần dài đang treo ở trên móc, B đi tới lục tìm và lấy trong túi quần ra 01 cái ví. Bên trong ví có nhiều tờ tiền nên B lấy tiền ra bỏ vào túi và vứt cái ví lại. Sau đó, B đi ra ngoài rồi đi bộ về nhà mình. Tại nhà, B đếm số tiền trộm cắp được tổng cộng 5.500.000 đồng. B dùng số tiền này tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ ngày 02/6/2017, Mai Văn B rủ Bùi Văn D đi trộm cắp tài sản. D đồng ý. B và D đi bộ từ phường Đ đến khu phố 5, phường M thì phát hiện nhà chị Lê Thị Mỹ L không đóng cửa sổ. Thấy vậy, B đi qua cửa hông, dùng tay bẻ khung sắt bảo vệ đã bị mục và chui vào bên trong. Khi vào được trong nhà, B mở cửa chính để D cùng vào. B và D đi vào phòng ngủ, B chỉ cho D lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu đen đang sạc pin để trong cái giỏ đựng đồ em bé. D lấy xong thì đi ra cửa phòng ngủ đợi B. Lúc này, B đi đến chỗ cái giỏ đựng đồ em bé và lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1150, 01 máy tính bảng hiệu HuaWei bị hỏng. B tiếp tục lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1 đang để trên đầu giường ngủ, 01 cái ví trong quần lửng, bên trong ví có số tiền 400.000 đồng. B lấy hết số tiền trong ví rồi vứt cái quần và cái ví lại. Sau khi lấy được tài sản, cả hai

tẩu thoát ra ngoài, rồi đi về nhà. Sáng cùng ngày, B bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 và chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1 cho anh Phan Thanh H với giá 3.900.000 đồng. Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1150, D giữ lại để sử dụng. Sau đó, D đem chiếc điện thoại này cho một người thanh niên tên B2 không rõ họ tên, địa chỉ. Riêng chiếc máy tính bảng hiệu HuaWei, qua kiểm tra thấy bị hư hỏng nên B đã vứt ở đâu không nhớ. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản nói trên, B và D cùng nhau tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm không thu hồi được số tài sản mà các bị cáo trộm cắp.

Tại biên bản định giá về việc không thu hồi được số tài sản số: 51/BBĐG ngày 25/7/2016 và Biên bản định giá tài sản số: 69/BBĐG ngày 30/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Phan Rang - Tháp Chàm kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7 trị giá : 3.000.000 đồng.
- 01 chiếc điện thoại di động hiệu GIONEE, trị giá : 1.000.000 đồng.
- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar trị giá : 400.000 đồng.
- 03 cặp học sinh đã qua sử dụng trị giá : 300.000 đồng.
- 01 ví da màu hồng đã qua sử dụng trị giá : 100.000 đồng.
- 01 máy tính bảng hiệu Lenovo Tab 3710L trị giá : 1.200.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Lenovo A2010 trị giá : 1.700.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 trị giá : 200.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 trị giá : 1.500.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1150 trị giá : 200.000 đồng.
- 01 máy tính bảng hiệu HuaWei bị hư hỏng trị giá : 150.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 trị giá : 3.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 88/QĐ-KSĐT ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã truy tố các bị cáo Mai Văn B, Phan Văn T và Bùi Văn D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Mai Văn B mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Phan Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Bùi Văn D mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Theo các biên bản định giá đối với tài sản không thu hồi được và đơn xin xét xử vắng mặt thì chị Đỗ Thị Thu T yêu cầu B và T liên đới bồi thường cho chị số tiền: 6.200.000 đồng. Chị Đặng Thị V yêu cầu bị cáo B bồi thường cho chị số tiền: 4.500.000 đồng. Còn anh Nguyễn Thanh Đ và chị Lê Thị Mỹ L không yêu cầu bị cáo B và bị cáo D bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo B và bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền như chị T và chị V yêu cầu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại.

Các bị cáo nói lời sau cùng: “Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên; Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; các bị cáo và những người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và các chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 25/6/2016 đến ngày 02/6/2017, Mai Văn B cùng với Phan Văn T và Bùi Văn D đã có hành vi lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Cụ thể: Mai Văn B và Phan Văn T cùng nhau trộm cắp tài sản của chị Đỗ Thị Thu T trị giá 6.200.000 đồng. Mai Văn B trộm cắp tài sản của chị Đặng Thị V trị giá 4.500.000 đồng. Mai Văn B trộm cắp của anh Nguyễn Thanh Đ số tiền 5.500.000 đồng. Mai Văn B cùng với Bùi Văn D trộm cắp tài sản của chị Lê Thị Mỹ L trị giá 5.750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là: 21.950.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 88/QĐ-KSĐT ngày 03/10/2017 của Viện

kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm truy tố các bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội, nên phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất, mức độ đồng phạm và nhân thân của từng bị cáo có khác nhau, nên cần phải phân tích cụ thể để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[5] Đối với bị cáo Mai Văn B là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T và bị cáo D cùng tham gia trộm cắp tài sản. Bị cáo là người thực hiện tội phạm tích cực nhất trong số các đồng phạm. Bản thân bị cáo cũng chủ động tìm nơi tiêu thụ tài sản và phân chia số tiền có được cho đồng bọn. Bị cáo là người có nhân thân xấu, lẽ ra phải biết rèn luyện, tu dưỡng bản thân nhưng bị cáo lười lao động, thích hưởng thụ và nhiều lần phạm tội. Chứng tỏ rằng, bị cáo là người xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt và để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Vì: Bị cáo tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; Người bị hại là chị L và anh Đ cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[6] Đối với bị cáo Phan Văn T cũng là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng xét thấy tính chất, mức độ hạn chế hơn. So với B thì số lần phạm tội của bị cáo ít hơn. Bị cáo cũng là người có nhân thân xấu nhưng do lười biếng, muốn có tiền tiêu xài nên tham gia trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[7] Đối với bị cáo Bùi Văn D cũng là người trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm, nhưng do bị rủ rê, lôi kéo. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Mặc dù chị Lê Thị Mỹ L không yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng bị cáo đã chủ động bồi thường cho chị Lê số tiền: 1.500.000 đồng để khắc phục hậu quả. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã

hội, mà chỉ cần giao bị cáo về chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giúp bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[8] Đối với anh Đinh Văn Đ mua lại tài sản của các bị cáo (Do bị cáo B đem bán) nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm không xử lý là phù hợp pháp luật.

[9] Đối với anh Phan Thanh H, bị cáo B khai đã bán cho anh H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 và 01 chiếc điện thoại OPPO F1 nhưng anh H không thừa nhận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm không chứng minh được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của anh H nên không xử lý là phù hợp pháp luật.

[10] Đối với một người phụ nữ đã mua lại chiếc điện thoại di động Mobistar màu xanh; một người đàn ông đã mua lại chiếc điện thoại di động hiệu Lenovo A2010 và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 mà bị cáo B đã bán; Một người đàn ông tên B2 mà bị cáo D đã cho chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1150 để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[11] Ngoài ra, hành vi của bị cáo Mai Văn B còn có dấu hiệu của tội: “Cưỡng đoạt tài sản” Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh Đ không yêu cầu bị cáo B và D bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn chị Đỗ Thị Thu T và chị Đặng Thị V có yêu cầu bị cáo B và T bồi thường. Các bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T và chị V nhưng hiện nay chưa có tiền để bồi thường. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[13] Về xử lý vật chứng: Chiếc kiếm bấm màu đỏ dài khoảng 20 cm và toàn bộ tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Phan Rang - Tháp Chàm không thu hồi được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn B, Phan Văn T, Bùi Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn B **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 18/6/2017).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 30/7/2017).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn D **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là: 18 (**Mười tám**) tháng kể từ ngày tuyên án. (Ngày 17/11/2017)

Giao bị cáo Bùi Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Mai Văn B và Phan Văn T với những người bị hại là chị chị Đỗ Thị Thu T và chị Đặng Thị V.

Cụ thể như sau:

1. Bị cáo Mai Văn B đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đặng Thị V số tiền: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Bị cáo Mai Văn B và bị cáo Phan Văn T đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền: 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Chia phần:

- Bị cáo Mai Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Phan Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án, nếu Người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Mai Văn B, Phan Văn T, Bùi Văn D; Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Mai Văn B phải chịu 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được Thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người bị hại; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người bị hại là chị Đỗ Thị Thu T, chị Đặng Thị V, anh Nguyễn Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

(Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Bùi Văn D).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Anh Thư Lê Phi Hồng

Trần Hữu Xuân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Công an TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS TP. Phan Rang - TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Xuân

